TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HS-ST
Ngày: 14-4-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Hữu Hồng
- *Thẩm phán*: Bà Lê Thị Vân
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Bà Nguyễn Thị Phương Thảo
2. Ông Nguyễn Đình Long
3. Ông Lương Sĩ Tư Hoài

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Quốc Huy; Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tân; Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2023/TLST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2023/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phan Thị L, sinh năm 1992 tại: Nghệ An; nơi ĐKHKTT và cư trú: xã ĐT, huyện YT, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Phan Văn H; sinh năm: 1956; con bà: Nguyễn Thị Q; sinh năm: 1956; chồng: Nguyễn Văn V; sinh năm: 1989; có 03 con, lớn sinh năm 2016 nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 10/6/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo*: Luật sư Hồ Ngọc H – Văn phòng Luật sư Nguyễn Thị Kim L; Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

** Bị hại*:

- Ông Trần Văn T, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn B, xã LT, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- Ông Vũ Văn M, sinh năm 1984; địa chỉ: 11/7 HH, Phường 2, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

- Bà Bùi Thị Thu V, sinh năm 1975; địa chỉ: 138 TP, thôn TH, xã Lộc Nga, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Thị L từ Nghệ An vào sinh sống tại thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng từ năm 2019 và tạm trú tại 15/49 Tuệ Tĩnh, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng làm nghề môi giới nhà đất. Trong thời gian này, L đã nhiều lần kêu gọi người khác hùn tiền đặt cọc mua đất để bán kiếm lời, đồng thời L có vay tiền của nhiều người khác để kinh doanh đất đai. Do phải trả lãi và gốc cho nhiều người nên số tiền nợ của L ngày càng nhiều, cụ thể L nợ khoảng hơn 10 người với số tiền khoảng 04 đến 05 tỷ đồng.

Đến tháng 7/2021, Phan Thị L mất khả năng trả nợ và bị những người cho vay gây sức ép, yêu cầu trả các khoản nợ, lúc này L nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của các bị hại sau để trả nợ, cụ thể:

1. Hành vi chiếm đoạt tiền của ông Vũ Văn M, ở Phường 2, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

Ông Vũ Văn M quen biết với Phan Thị L từ tháng 3/2021, do cùng làm môi giới nhà đất với nhau, ngày 12/7/2021 do bị một số chủ nợ gây áp lực đòi nợ nên L nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của ông M để trả nợ; sáng ngày 12/7/2021, L hỏi mượn ông M 80 triệu đồng và nói với ông M là để đi công chứng lô đất cho khách và hẹn 03 ngày sau sẽ trả, ông M đã chuyển vào tài khoản của L số tiền 80 triệu đồng. Đến trưa ngày 12/7/2021, L tiếp tục nói với ông M là cần tiền để đặt cọc lô đất tại hẻm Đỉnh Việt, đường Hà Giang, thành phố Bảo Lộc và hỏi mượn ông M 300 triệu đồng, hẹn trong vòng một tuần sẽ trả lại tiền gốc và tiền hoa hồng, ông M đồng ý và chuyển hai lần với số tiền 300 triệu đồng cho L, nội dung 02 lần chuyển tiền có ghi (*cọc lô hẻm Đỉnh Việt, Hà Giang*). Đến 16h00 ngày 12/7/2021, L tiếp tục hỏi mượn ông M 300 triệu đồng, để đặt cọc lô đất ở đường Tuệ Tĩnh, thành phố Bảo Lộc. Tin lời của L, ông M cùng L đến nhà bà Đặng Thị Thúy H, trú tại Phường 01, thành phố Bảo Lộc (*là người quen cùng làm trong lĩnh vực bất động sản với ông M và L*), tại đây, ông M nhờ bà H viết dùm một giấy giao tiền đề ngày 12/7/2021, nội dung L vay 300 triệu đồng để cọc đất, hẹn ngày 15/7/2021 sẽ trả tiền gốc và 100 triệu tiền hoa

hồng, sau đó L, ông M, bà Hằng cùng ký vào giấy này. Sau khi viết giấy xong, ông M chuyển khoản cho L 280 triệu đồng và mượn bà H 20 triệu đồng để đưa cho L.

Tổng số tiền ông M chuyển cho L là 680 triệu đồng ngày 12 /7/2021, L không dùng để đặt cọc các thửa đất như đã nói với ông M mà đã dùng toàn bộ số tiền này để trả nợ cho những người sau: Trả cho Phan Thị Liễu 50 triệu đồng, Nguyễn Thị Thùy 40 triệu đồng, Phan Thị Yến 77,5 triệu đồng, Phạm Thị Đông 120 triệu đồng, Trần Thị Mỹ 05 triệu đồng, Nguyễn Thị Bắc 180 triệu đồng, Trần Thị Hồng Đào 10 triệu đồng, Nguyễn Quý Tâm 150 triệu đồng Ngô Thị Minh Thủy 50 triệu đồng, cùng ngụ tại thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. (Bl 168, 169, 220, 221, 227, 228, 229, 230, 231, 232, 233, 234, 235, 236, 237, 235)

Khi ông M đòi tiền gốc và tiền hoa hồng nhưng L chỉ chuyển khoản cho ông M 100 triệu đồng, lúc này ông M yêu cầu L chụp bản hợp đồng đặt cọc lô đất Hà Giang (lô đất mà L nói với ông M đã có khách mua, đã vay của ông M 300 triệu đồng để đặt cọc cho chủ đất vào trưa ngày 12/7/2021); ngày 15/7/2021, L gửi cho ông M 01 ảnh chụp hợp đồng đặt cọc qua Zalo, nội dung: Ông Nguyễn Đình Mười; CMND số 251328944, địa chỉ: Tổ 12, Phường 1, thành phố Bảo Lộc, Lâm Đồng bán cho Phan Thị L lô đất tại Hà Giang với giá 2.450.000.000đ, đặt cọc 300 triệu đồng ngày 12/7/2021. Tuy nhiên quá trình điều tra, xác minh, xác định: Trong ngày 12/7/2021, không có việc mua bán, đặt cọc đất giữa ông Nguyễn Đình Mười và Phan Thị L. Đến ngày 16/7/2021, ông M tiếp tục đòi tiền thì L trả cho ông M 100 triệu đồng. Số tiền còn lại 480 triệu đồng L không có khả năng trả lại cho ông M. Như vậy, tổng số tiền Phan Thị L chiếm đoạt của ông Vũ Văn M là 680 triệu đồng. (Bl 62, 464, 465, 466)

2. Hành vi chiếm đoạt tiền của ông Trần Văn T ở Thôn 8B, xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng

Ông Trần Văn T và Phan Thị L quen biết với nhau từ tháng 3/2021, do cùng làm môi giới bất động sản với nhau. Ngày 13/7/2021, do cần tiền trả nợ cho Cao Minh Dũng trú tại phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc nên Phan Thị L nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của ông T để trả nợ. L nói với ông T cần vay 200 triệu đồng để cọc 01 lô đất trị giá 1,1 tỷ đồng (không nói rõ lô đất nào, ở đâu) sau khi ra công chứng xong có khách bán sang tay luôn sẽ trả gốc và hoa hồng cho ông T, ông T tin tưởng nên trong ngày 13/7/2021 đã chuyển vào tài khoản số 05010878271 ngân hàng Sacombank của L số tiền 160 triệu đồng và đưa 40 triệu tiền mặt cho L. L vết một giấy vay mượn tiền đề ngày 13/7/2021, nội dung L vay ông T số tiền 200 triệu đồng, hẹn 05 ngày sau sẽ trả. Số tiền này L rút ra cùng với số tiền L còn trong tài khoản và trả cho ông Cao Minh Dũng

300 triệu đồng. Tổng số tiền mà Phan Thị L chiếm đoạt của ông Trần Văn T là 200 triệu đồng (Bl 63)

3. Hành vi chiếm đoạt của bà Bùi Thị Thu V ở thôn Tân Hòa, xã Lộc Nga, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Bùi Thị Thu V và Phan Thị L quen biết với nhau từ năm 2020 do cùng làm môi giới bất động sản. Từ tháng 02/2021 đến tháng 5/2021, Phan Thị L đã nhiều lần mượn tiền của bà Vân nhưng đều trả nợ đầy đủ. Tuy nhiên đến cuối tháng 6/2021, L bị nhiều người đòi nợ nhưng không có tiền trả nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của bà Vân để trả nợ. Sáng ngày 22/6/2021, do cần tiền để trả nợ cho bà Ngô Thị Minh Thủy nên L gọi điện thoại cho bà Vân nói L đang cần số tiền 150 triệu đồng để đặt cọc đất và hứa với bà Vân sau khi bán đất sẽ chia hoa hồng cho bà Vân, bà Vân đồng ý. Khi vay tiền L cam kết với bà Vân đến ngày 29/6/2021 sẽ trả lại tiền gốc và tiền hoa hồng cho bà Vân, tin tưởng L nên bà Vân đưa cho L 150 triệu đồng. Đến chiều cùng ngày L tiếp tục gọi điện cho bà Vân để vay thêm số tiền 50 triệu đồng, khi vay L cũng nói với bà Vân dùng vào mục đích đặt cọc đất, sau đó bán kiếm lời. L cam kết đến ngày 29/6/2021 trả lại cho bà Vân số tiền gốc và tiền hoa hồng là 13 triệu đồng. Tổng số tiền L chiếm đoạt của bà Vân trong ngày 22/6/2021 là 200 triệu đồng, số tiền này L mang trả nợ hết.

Ngày 25/6/2021, L tiếp tục vay bà Vân 80 triệu đồng, L nói với bà Vân là để đặt cọc đất, hẹn 05 ngày sau sẽ trả gốc và tiền hoa hồng là 40 triệu đồng. L viết giấy vay tiền đưa cho bà Vân giữ, sau khi lấy được tiền của bà Vân, L mang đi trả nợ cho nhiều người khác.

Ngày 28/6/2021, L tiếp tục gọi điện thoại cho bà Vân đề nghị vay 100 triệu đồng để đặt cọc đất để bán kiếm lời và sẽ trả tiền hoa hồng cho bà Vân, tin tưởng L nên bà Vân đưa cho L 100 triệu đồng bằng tiền mặt. Khi nhận tiền L viết một giấy nhận tiền và ký tên phía dưới, bà Vân yêu cầu L viết thêm tên chồng là Nguyễn Văn Việt vào giấy nhận tiền, mặc dù thời điểm đó không có mặt của ông Việt. Sau khi nhận số tiền 100 triệu từ bà Vân, L mang trả nợ cho ông Cao Minh Dũng trú tại phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc vì trước đó L mượn tiền của ông Dũng đến hạn phải trả. Tổng số tiền L chiếm đoạt của bà Vân là 380.000.000 đồng.

Như vậy với 03 bị hại trên, Phan Thị L đã chiếm đoạt số tiền là 1.260.000.000đ (một tỷ hai trăm sáu mươi triệu đồng)

Đến nay, L mới trả cho ông Vũ Văn M số tiền là 200 triệu đồng. Số tiền còn lại 1.060.000.000đ của các bị hại L không còn khả năng để trả.

Cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 09/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Phan Thị L về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là BLHS 2015)

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện đúng như bản cáo trạng truy tố; không thắc mắc, khiếu nại nội dung cáo trạng và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại Vũ Văn M xác nhận đã nhận 200 triệu đồng do bị cáo thanh toán, số tiền còn lại 480 triệu đồng yêu cầu bị cáo có nghĩa vụ hoàn trả lại; bị hại Trần Văn T yêu cầu trả lại số tiền 200 triệu đồng đã chiếm đoạt; bị hại Bùi Thị Thu V yêu cầu hoàn trả lại số tiền 380 triệu đồng đã chiếm đoạt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố và phát biểu quan điểm luận tội đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phan Thị L phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS 2015; xử phạt bị cáo Phan Thị L mức án từ 14 năm đến 15 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 10/6/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phan Thị L bồi thường cho các bị hại gồm: Vũ Văn M số tiền 480 triệu đồng; Trần Văn T số tiền 200 triệu đồng; Bùi Thị Thu V số tiền 380 triệu đồng đã chiếm đoạt.

Về xử lý vật chứng: Trả lại bị cáo Phan Thị L 01 điện thoại di động hiệu Samsunggalaxy A72, số IMEI 3578432321548821; IMEI2: 353546292154882 nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày luận cứ, thống nhất nội dung cáo trạng, tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố. Tuy nhiên, đề nghị hội đồng xét xử xem xét bị cáo có nhân thân tốt, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khắc phục một phần hậu quả, áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo thống nhất nội dung luận cứ bào chữa của Luật sư, không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Các bị hại không có ý kiến tranh luận, thống nhất cáo trạng và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội sớm trở về làm ăn và trả nợ cho các bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (sau đây viết là HĐXX) nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố; cơ quan điều tra, điều tra viên; viện kiểm sát, kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo; người bị hại không khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được tiến hành hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Bị cáo Phan Thị L làm nghề môi giới nhà đất từ năm 2019 đến năm 2021, bị cáo đã vay tiền của nhiều người để kinh doanh đất đai, đến đầu năm 2021 bị cáo mất khả năng trả nợ nên đã cố ý đưa ra thông tin gian dối hỏi vay tiền của các bị hại Vũ Văn M, Trần Văn Tâm, Bùi Thị Thu V nhằm mục đích chiếm đoạt để trả các khoản nợ trước đó bị cáo đã vay mượn của nhiều người dẫn đến mất khả năng thanh toán. Bằng hành vi gian dối đưa ra thông tin mượn tiền các bị hại để đặt cọc mua các lô đất và hứa hẹn chia hoa hồng cho các bị hại, tạo cho các bị hại sự tin tưởng, giao tiền cho bị cáo. Nhưng sau khi chiếm đoạt được số tiền của các bị hại, bị cáo không sử dụng để đặt cọc hay mua các lô đất như thông tin đưa ra mà sử dụng vào việc trả các khoản nợ cũ của các chủ nợ khác dẫn đến không có khả năng hoàn trả nợ cho các bị hại như cam kết. Từ ngày 22/6/2021 đến này 13/7/2021 bị cáo chiếm đoạt số tiền 1.260.000.000đ của các bị hại Bùi Thị Thu V 380.000.000đ, Vũ Văn M 680.000.000đ và Trần Văn T 200.000.000đ.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của người bị hại và các tình tiết khách quan khác, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phan Thị L phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm a khoản 4 Điều 174 của BLHS 2015. Cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 09/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo về tội danh nói trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, cố tình đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác dẫn đến mất khả năng chi trả. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng; xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do vậy,

cần có mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 02 lần trở lên nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS 2015.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả đối với bị hại Vũ Văn M nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015.

Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nên cũng được xem xét khi quyết định hình phạt.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46; Điều 48 của BLHS 2015; các Điều 584, 586, khoản 1 Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Phan Thị L bồi thường cho các bị hại Vũ Văn M số tiền còn lại là 480 triệu đồng; Trần Văn T số tiền 200 triệu đồng; Bùi Thị Thu V số tiền 380 triệu đồng đã chiếm đoạt.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 BLHS 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại bị cáo Phan Thị L 01 điện thoại di động hiệu Samsunggalaxy A72, số IMEI 3578432321548821; IMEI2: 353546292154882 nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[7] Trong quá trình điều tra, các bị hại yêu cầu cơ quan cảnh sát điều tra xác minh thửa đất số 58, tờ bản đồ số 38, diện tích 31.000m2 tại xã Tân Lạc, huyện Bảo Lâm do Phan Thị L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, qua kiểm tra, xác minh, cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra do các thông tin của các bị hại cung cấp không chính xác nên không có căn cứ để tiếp tục điều tra, xác minh. Do vậy, HĐXX không xem xét. Đồng thời có một số đơn tố giác bị cáo chiếm đoạt số tiền 3.660.000.000đ cơ quan cảnh sát điều tra đã xác định số tiền nói trên L quan đến tranh chấp dân sự nên HĐXX không đề cập đến trong vụ án này.

Đối với những người được bị cáo Phan Thị L sử dụng số tiền chiếm đoạt của các bị hại để trả các khoản nợ của các chủ nợ trước đó. Qua điều tra, xác minh những người được bị cáo L trả nợ không biết nguồn gốc các khoản tiền do

bị cáo chiếm đoạt nên không có căn cứ xem xét xử lý thu hồi, HĐXX không đề cập đến.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

1. *Về tội danh*: Tuyên bố bị cáo Phan Thị L phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

2. *Về hình phạt*: Xử phạt bị cáo Phan Thị L mức án 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 10/6/2022

3. *Về trách nhiệm dân sự*: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46; Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 584, 586 khoản 1 Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phan Thị L bồi thường cho Vũ Văn M số tiền còn lại là 480.000.000đ (bốn trăm tám mươi triệu đồng); bồi thường bị hại Trần Văn T số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng); bồi thường cho bà Bùi Thị Thu V số tiền 380.000.000 (ba trăm tám mươi triệu đồng) đã chiếm đoạt.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; trừ trường hợp pháp luật có quy định khác".

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. *Về vật chứng*: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Trả lại bị cáo Phan Thị L 01 điện thoại di động hiệu Samsunggalaxy A72, số IMEI 3578432321548821; IMEI2: 353546292154882 nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 12/01/2023 giữa Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng)

5. *Về án phí*: Áp dụng các Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Phan Thị L phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 43.800.000 đ (bốn mươi ba triệu, tám trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, các bị hại có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- VKSNDCC tại Tp HCM (01);
- Vụ GĐKT I – TANDTC (01);
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Lâm Đồng (01);
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng PV 06 CA tỉnh Lâm Đồng(01);
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng (01);
- Trại tạm giam (02); Bị cáo (01);
- Bị hại (04);
- Luật sư (01);
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ (08);
- Hồ sơ THAHS (08);
- Lưu hồ sơ; án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Hữu Hồng